**Trường: THPT Mỹ Tho Họ và tên:** Bùi Thị Tú Anh – Nguyễn Thị Yến

**Tổ: Sử - Địa - GDCD**

**BỘ SÁCH CÁNH DIỀU**

**Bài 26**

**VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU,**

**CẮC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ DỊCH VỤ**

**Môn học : Địa lý lớp 10**

(Thời gian thực hiên: 1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Yêu cầu cần đạt (kiến thức)**

**2. Về năng lực:**

**+ Năng lực địa lí:**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận vai trò, các nhân tố ảnh hưởng tới ngành dịch vụ.

* Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Trình bày được cơ cấu, vai trò, đặc điểm của dịch vụ;

+ Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Liên hệ được các hoạt động dịch vụ của địa phương.

- Năng lực vận dụng các kiến thức địa lý:

+ Viết báo cáo về ngành dịch vụ ở địa phương

**+ Năng lực chung:**

*- Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ…

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu về ngành dịch vụ

- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Giáo án, 1 số bản đồ, tranh ảnh minh họa cho ngành dịch vụ.

- Phiếu học tập.

- Bộ mảnh ghép

- Băng keo, nam châm

- Phiếu học tập làm việc nhóm

- Tiêu chí đánh giá sản phẩm

**2. Học liệu**

- Sách giáo khoa, vở ghi.

- Giấy note làm bài tập trên lớp, bảng nhóm, bút.

- Thiết bị truy cập internet.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (Tình huống xuất phát) - 7 phút**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng khởi cho bài học, phát triển năng lực tư duy, khả năng liên kết kiến thức của học sinh.

- Kiểm tra kiến thức cũ về bài học của học sinh về bài nông nghiệp, công nghiệp, tạo tình huống vào bài.

**b. Nội dung:**

- Học sinh tham gia trả lời các câu hỏi về sản phẩm của các ngành kinh tế.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** GV dẫn dắt học sinh về sản phẩm của các ngành kinh tế thông qua hệ thống câu hỏi:

* *Sản phẩm của ngành nông nghiệp là gì?*
* *Sản phẩm của ngành công nghiệp là gì?*
* *Sản phẩm của ngành du lịch là gì?*
* *Sản phẩm của ngành thương mại là gì?*
* *Sản phẩm của ngành giáo dục là gì?*
* *Em nhận xét gì về sản phẩm của các ngành du lịch, thương mại, giáo dục…?*

**- Thực hiện nhiệm vụ:** Thực hiện nhiệm vụ thông qua sự dẫn dắt của GV.

**– Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trả lời câu hỏi.

**– Kết luận:** GV kết luận và dẫn dắt vào bài. Dịch vụ là những hoạt động có ích của con người tạo ra các sản phẩm không tồn tại dưới hình thái vật chất, không dẫn đến việc chuyển quyền sở hữu. Theo nghĩa rộng, dịch vụ là lĩnh vực kinh tế thứ ba trong nền kinh tế quốc dân, bao gồm các hoạt động kinh tế nằm ngoài hai lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp. Theo nghĩa hẹp, dịch vụ là những hoạt động có ích của con người tạo ra các sản phẩm không tồn tại dưới hình thái vật chất, không dẫn đến việc chuyển quyền sở hữu nhằm thỏa mãn đầy đủ, kịp thời, thuận tiện, văn minh các nhu cầu của sản xuất và của đời sống xã hội.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30 phút)**

**NHIỆM VỤ 1: TÌM HIỂU VAI TRÒ NGÀNH DỊCH VỤ (10 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được vai trò ngành dịch vụ.

**b. Nội dung**

- HS được yêu cầu hoạt động theo nhóm: Đọc SGK và tìm ví dụ minh họa cho các vai trò của ngành dịch vụ.

**c. Sản phẩm**

- Kết quả làm việc theo nhóm.

- Ví dụ minh họa cho các vai trò của ngành dịch vụ.

- Câu trả lời miệng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho các nhóm. Đọc SGK và tìm ví dụ minh họa cho các vai trò của ngành dịch vụ.

* Nhóm 1: Lấy ví dụ minh họa ngành dịch vụ có vai trò “Phát triển nguồn nhân lực và phát triển con người, giải quyết tốt các vấn đề xã hội.”
* Nhóm 2: Lấy ví dụ minh họa ngành dịch vụ có vai trò “Góp phần khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.”
* Nhóm 3: Lấy ví dụ minh họa ngành dịch vụ có vai trò “Phát triển công nghiệp, nông nghiệp và thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.”
* Nhóm 4: Lấy ví dụ minh họa ngành dịch vụ có vai trò “Kết nối các hệ thống, yếu tố của thành phần kinh tế, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.”
* Nhóm 5: Lấy ví dụ minh họa ngành dịch vụ có vai trò “Thúc đẩy phân công lao động; toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế”

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc theo nhóm

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi 1, 2 HS trình bày kết quả

+ Các HS thuộc nhóm khác hỏi, phát vấn, phản biện…

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV chuẩn kiến thức. Mở rộng kiến thức các thành phố có ngành dịch vụ phát triển sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển mạnh mẽ như Niu i-Oóc, Luân Đôn, Tô-ki-ô…

+ HS: Lắng nghe, ghi bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | |
| * Nhóm 1: | * Phát triển nguồn nhân lực và phát triển con người: ngành giáo dục, y tế giúp nâng cao sức khỏe, nâng cao trình độ lao động… Giáo dục đại học và sau đại học và khoa học công nghệ sẽ là hai ngành dịch vụ trung gian quan trọng, giúp tăng năng suất của các ngành dịch vụ khác nhờ tạo ra nguồn lao động có tay nghề cao và giúp cải tiến quá trình sản xuất và cung ứng dịch vụ. * Giải quyết tốt các vấn đề xã hội: các dịch vụ hành chính công, hoạt động đoàn thể…ví dụ hội người cao tuổi, hội nông dân…quan tâm đến từng bộ phận/ tầng lớp nhân dân |
| * Nhóm 2: | * Góp phần khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên: ngành du lịch khai thác tốt các nguồn tài nguyên du lịch, thúc đẩy kinh tế phát triển. * Bảo vệ môi trường: thông qua ngành viễn thông, tuyên truyền bảo vệ môi trường sâu, rộng đến mọi tầng lớp nhân dân |
| * Nhóm 3: | * Phát triển công nghiệp, nông nghiệp: Ngành giao thông vận tải về ngành thương mại giúp kết nối sản phẩm của ngành nông nghiệp và công nghiệp tới thị trường. Thông qua buôn bán thúc đẩy ngành nông nghiệp và công nghiệp phát triển. * Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá: Khi ngành công nghiệp phát triển sẽ thực hiện được quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. |
| * Nhóm 4: | * Kết nối các hệ thống, yếu tố của thành phần kinh tế: Trong phân ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc các ngành kinh tế được kết nối với nhau tạo thành một thể thống nhất. Thiếu bất kỳ một ngành nào đều không đem lại hiệu quả kinh tế cao. * Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội: Các ngành dịch vụ tiêu dùng và dịch vụ công đáp ứng trực tiếp nhu cầu của con người. Ngành dịch vụ kinh doanh cung ứng các dịch vụ cần thiết cho các ngành sản xuất khác. |
| * Nhóm 5: | * Thúc đẩy phân công lao động: Khi ngành dịch vụ phát triển sẽ thúc đẩy quá trình chuyển dịch lao động từ ngành nông nghiệp và công nghiệp sang dịch vụ và ngược lại. * Thúc đẩy toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế: Trong quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa không thể thiếu ngành viễn thông và giao thông vận tải, nhất là đường biển và đường hàng không. Nền kinh tế dịch vụ hiện nay dựa trên hai nền tảng chính là toàn cầu hoá và kinh tế tri thức, được thúc đẩy bởi những thành tựu của tiến bộ khoa học kỹ thuật. Toàn cầu hoá và kinh tế tri thức làm thay đổi thói quen sinh hoạt và tiêu dùng trong đời sống kinh tế - xã hội, xu hướng kinh doanh và chính sách của chính phủ đối với ngành kinh tế dịch vụ. |

|  |
| --- |
| **1. Vai trò** |
| - Phát triển nguồn nhân lực và phát triển con người, giải quyết tốt các vấn đề xã hội.  - Góp phần khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.  - Phát triển công nghiệp, nông nghiệp và thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.  - Kết nối các hệ thống, yếu tố của thành phần kinh tế, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.  - Thúc đẩy phân công lao động; toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế |

**NHIỆM VỤ 2: TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM NGÀNH DỊCH VỤ (5 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được đặc điểm của ngành dịch vụ.

**b. Nội dung**

- Trình bày được đặc điểm của ngành dịch vụ.

* Học sinh hoạt động cả lớp

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** GV sử dụng bộ câu hỏi định hướng để HS phân biệt được sản phẩm của ngành dịch vụ so với ngành khác để thấy được đặc điểm của ngành dịch vụ

1. *Thế nào là sản phẩm phi vật chất/ phi vật thể?*
2. *Kể tên các loại hình dịch vụ em đang sử dụng, hưởng thụ hằng ngày.*
3. *Những ngành dịch vụ nào em muốn sử dụng trong thời gian tới hoặc khi có điều kiện?*
4. *Ngành nông nghiệp và công nghiệp có tách rời với ngành dịch vụ không?*

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cả lớp

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi 1,2 HS trình bày kết quả

+ GV dẫn dắt để học sinh rút ra được quá trình quá trình sản xuất (cung cấp) dịch vụ và tiêu dùng (hưởng thụ) dịch vụ thường diễn ra đồng thời. Ví dụ khi em đi mua hàng, hoạt động mua và bán diễn ra đồng thời.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| 1. Dịch vụ là những hoạt động có tính xã hội, tạo ra các sản phẩm phi vật thể. Vì thế, khác với các sản phẩm hàng hoá hữu hình, dịch vụ thường không thể lưu trữ được, không thể vận chuyển được mà chỉ có thể sử dụng ở nơi sản xuất. 2. *Kể tên các loại hình dịch vụ em đang sử dụng, hưởng thụ hằng ngày: giáo dục, bán lẻ, viễn thông...* 3. *Những ngành dịch vụ nào em muốn sử dụng trong thời gian tới hoặc khi có điều kiện: du lịch, ngân hàng, giáo dục...* 4. *Ngành nông nghiệp và công nghiệp có tách rời với ngành dịch vụ không: không tách rời 🡪 tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh.* |

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.

|  |
| --- |
| **2. Đặc điểm** |
| - Sản phẩm của ngành dịch vụ không mang tính vật chất.  - Hoạt động dịch vụ có tính linh hoạt cao nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của sản xuất đời sống xã hội.  - Hoạt động dịch vụ có tính hệ thống.  - Không gian lãnh thổ của dịch vụ ngày càng mở rộng, phát triển trên toàn cầu. |

**NHIỆM VỤ 3: TÌM HIỂU CƠ CẤU (5 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được được các ngành cụ thể của dịch vụ kinh doanh, tiêu dùng, công.

**b. Nội dung**

* Học sinh hoạt động cá nhân, sắp xếp các ngành dịch vụ theo nhóm cho phù hợp

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

***Nhiệm vụ 1:*** GV phát phiếu học tập/ trình chiếu lên bảng, HS đọc SGK và sắp xếp các ngành vào vị trí thích hợp. (Gv có thể lược bỏ bớt/ cho hoạt động nhóm 2, 3 sao cho phù hợp năng lực học sinh)

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi 1,2 HS trình bày kết quả

+ 2 HS chấm chéo sản phẩm cho nhau trong nhiệm vụ 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | | |
| **Dịch vụ kinh doanh** | **Dịch vụ tiêu dùng** | **Dịch vụ công** |
| 1, 2, 3, 10, 11, 15 | 4, 5, 6, 12, 13, 16, 17 | 7, 8, 9, 14, 18 |

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV công bố kết quả, ghi nhận điểm cộng cho HS

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.

|  |
| --- |
| **2. Cơ cấu** |
| - Khu vực dịch vụ có cơ cấu ngành hết sức đa dạng và phức tạp. Người ta thường chia dịch vụ thành ba nhóm:  + Dịch vụ kinh doanh:   * Dịch vụ sản xuất: tài chính, ngân hàng, kế toán … * Dịch vụ phân phối: giao thông vận tải, thương mại…   + Dịch vụ tiêu dùng:   * Dịch vụ xã hội: y tế, giáo dục, bưu chính viễn thông,... * Dịch vụ cá nhân: du lịch, dịch vụ sửa chữa   + Dịch vụ công: hành chính công, thủ tục hành chính… |

**NHIỆM VỤ 3: TÌM HIỂU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ (13 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của ngành dịch vụ.

- Phân tích kênh hình để làm rõ tác động của các nhân tố.

- Giải thích sự phân bố của một số đối tượng địa lí.

- HS liên hệ đến vấn đề phát triển mạng lưới dịch vụ tại địa phương.

**b. Nội dung**

- HS hoạt động nhóm

**c. Sản phẩm**

- Kết quả làm việc theo nhóm.

- Ví dụ minh họa cho các vai trò của ngành dịch vụ.

- Câu trả lời miệng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Nhiệm vụ 1:** GV chia lớp thành 8 nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cho các nhóm. Đọc SGK và tìm ví dụ minh họa cho các vai trò của ngành dịch vụ. Thời gian thảo luận là 2 phút.

* Nhóm 1: Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí
* Nhóm 2: Phân tích ảnh hưởng trình độ phát triển kinh tế
* Nhóm 3: Phân tích ảnh hưởng của đặc điểm dân số (quy mô dân số, văn hoá, lịch sử)
* Nhóm 4: Phân tích ảnh hưởng của phân bố dân cư, cơ sở hạ tầng
* Nhóm 5: Phân tích ảnh hưởng của xu hướng tiêu dùng, cơ cấu dân số
* Nhóm 6: Phân tích ảnh hưởng của khoa học - công nghệ
* Nhóm 7: Phân tích ảnh hưởng của chính sách.
* Nhóm 8: Phân tích ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

**Nhiệm vụ 2:** GV đặt vấn đề: “So sánh mức độ thuận lợi để phát triển ngành dịch vụ của thành phố Hồ Chí Minh và địa phương em (ví dụ (Biên Hòa, Đà Lạt)) (phiếu học tập số 2 phần phụ lục)

**Nhiệm vụ 3:** thảo luận cả lớp nhân tố nào có ý nghĩa quan trọng nhất tới sự phát triển và phân bố dịch vụ?

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

**Nhiệm vụ 1:** HS làm việc theo nhóm trong thời gian 3 phút.

**Nhiệm vụ 2, 3:** cả lớp hoạt động theo sự điều khiển của GV

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi 1, 2 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả

+ Các HS thuộc nhóm khác hỏi, phát vấn, phản biện…

+ Gv cho cả lớp thảo luận: nhân tố nào có ý nghĩa quan trọng nhất tới sự phát triển và phân bố dịch vụ?

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV chuẩn kiến thức. Mở rộng kiến thức các thành phố có ngành dịch vụ phát triển sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển mạnh mẽ như Niu i-Oóc, Luân Đôn, Tô-ki-ô…Ngoài ra, GV có thể mở rộng chính sách là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới ngành dịch vụ. Các nước hiện nay có nhiều chính sách cũng thay đổi để thích ứng với những thay đổi trong xã hội và cạnh tranh kinh tế. Đầu tiên, các chính phủ không những khuyến khích các ngành dịch vụ mũi nhọn phát triển làm động lực cho nền kinh tế mà còn quan tâm đến việc cung ứng tốt hơn các loại hình dịch vụ xã hội như môi trường, y tế và an sinh xã hội cho người dân. Tiếp đến, dưới sức ép của cạnh tranh và hiệu quả kinh tế, các chính phủ sẽ phải mở cửa ngành dịch vụ trong nước. Sau nhiều năm đàm phán, năm 1995 Hiệp định về Thương mại Dịch vụ (GATS) đã được ký kết và trở thành một trong những hiệp định quan trọng nhất của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Phát triển và tự do hóa ngành dịch vụ nói chung, phát triển và tự do hoá thương mại dịch vụ nói riêng đang trở thành chính sách ưu tiên của các nước.

+ HS: Lắng nghe, ghi bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | |
| * Nhóm 1: vị trí địa lí | Sự phát triển các loại hình dịch vụ và sự phân bố mạng lưới các hoạt động dịch vụ. Ví dụ Singapore từ cách đây hơn nửa thế kỉ dù kinh tế chưa phát triển nhưng vẫn có thể phát triển tốt ngành dịch vụ bằng cách tập trung vào một số ngành dịch vụ ưu tiên như vận tải biển vì lợi thế nằm ở ngã tư hàng hải quốc tế, do đó ngành cảng Singapore có một thời là cảng biển lớn nhất thế giới. |
| * Nhóm 2: trình độ phát triển kinh tế | Quyết định sự tình hình phát triển và phân bố, tính đa dạng và quy mô các ngành dịch vụ. Khi nền kinh tế ở một trình độ phát triển cao, mức thu nhập của con người tăng cao, xu hướng tiêu dùng đối với dịch vụ lớn hơn nhiều xu hướng tiêu dùng đối với sản phẩm hàng hoá. Con người có nhu cầu nhiều hơn đối với các sản phẩm phi vật chất của dịch vụ như thẩm mỹ, giáo dục và giải trí thuộc những thang bậc nhu cầu cao 🡪 kích thích và yêu cầu ngành dịch vụ phát triển  Kinh tế càng phát triển ngành dịch vụ càng đa dạng và quy mô càng lớn. |
| * Nhóm 3: đặc điểm dân số | - Quy mô dân số ảnh hưởng tới mạng lưới ngành dịch vụ, dân số càng đông, mạng lưới càng dày đặc.  - Mức sống và thu nhập thực tế ảnh hưởng tới sức mua, nhu cầu của dịch vụ 🡪 mức sống cao sẽ yêu cầu cao, đa dạng các loại dịch vụ  - Hình thức tổ chức mạng lưới dịch vụ và sự phát triển, phân bố dịch vụ du lịch. Ví dụ vùng Đồng bằng sông Hồng có lịch sử định cư lâu đời nên có nhiều lễ hội, làng nghề, chùa, đền, di tích...để phát triển du lịch. |
| * Nhóm 4: phân bố dân cư, cơ sở hạ tầng | - Ảnh hưởng đến mạng lưới phân bố ngành dịch vụ, dân cư đông đúc thì các ngành dịch vụ tiêu dùng càng đầy đủ, mạng lưới dày đặc.  - Cơ sở hạ tầng là điều kiện để phát triển ngành dịch vụ, nếu cơ sở hạ tầng không đồng bộ thì ngành dịch vụ kém phát triển. |
| * Nhóm 5: Phân tích ảnh hưởng của xu hướng tiêu dùng, cơ cấu dân số | - Các công ty ngày nay tập trung nhiều hơn vào việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao như phần mềm máy tính, vẽ kiểu dáng, phát minh máy móc tự động và chăm sóc phần tâm hồn của con người. Khả năng phát triển của các công ty trong những lĩnh vực dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao này gần như không bị hạn chế. Điều này được quy định bởi thị trường của sản phẩm, nhu cầu hiện nay đòi hỏi về chất lượng sản phẩm cao hơn.  - Cơ cấu dân số ảnh hưởng tới xu hướng tiêu dùng, dân số trẻ thì thích mua sắm nên ngành bán buôn bán lẻ phát triển, cơ cấu dân số già thì dịch vụ chăm sóc sức khỏe phát triển. |
| * Nhóm 6: khoa học - công nghệ | Ngành dịch vụ tri thức phát triển dựa vào khoa học kỹ thuật mà hạt nhân là công nghệ thông tin. Trong ngành dịch vụ tri thức thì chi phí cho các yếu tố nguyên vật liệu đầu vào gần như không đáng kể. Thí dụ, trong các dịch vụ sản xuất phần mềm máy tính hoặc các trang web thì hầu hết chi phí phát sinh trong khâu thiết kế và sáng tạo. Hàm lượng công nghệ và tri thức ngày càng cao hơn trong các sản phẩm dịch vụ giúp cho nhiều loại dịch vụ, kể cả những dịch vụ truyền thống, được cung cấp và tiêu dùng hiệu quả hơn rất nhiều. Thí dụ, thông qua internet, các công ty lữ hành có thể cung cấp thông tin về các tuyến du lịch, đặt khách sạn và vé máy bay; các nhà phân phối có thể chuyển từ hình thức bán hàng cổ điển sang thương mại điện tử; các nhà cung cấp dịch vụ giải trí có thể truyền tải phim ảnh và âm nhạc đến người nghe; và các ngân hàng có thể tiến hành các giao dịch trị giá hàng tỷ Đô la chỉ trong vòng một vài giây đồng hồ. Tiến bộ khoa học kỹ thuật ngày nay cho phép các nhà cung cấp dịch vụ chỉ cần tạo ra một sản phẩm duy nhất nhưng lại có khả năng tiêu dùng hàng loạt như các trang web kèm theo các hoạt động tư vấn, quảng cáo, nhạc-phim số, thương mại điện tử (e-commerce) và ngân hàng điện tử (e-banking), tạo điều kiện cho những ngành dịch vụ này phát triển vượt bậc. công nghệ hiện đại, đặc biệt trong lĩnh vực phân tích và xử lý thông tin như hệ thống chấm điểm tín dụng tự động sẽ giúp các ngân hàng quản lý khách hàng tốt hơn nhằm hạn chế tối đa rủi ro. |
| * Nhóm 7: chính sách. | - Chính sách mang tính tạo điều kiện thuận lợi cho 1 ngành kinh tế nhất định. Ví dụ ngày nay, với chính sách chú trọng về ngành dịch vụ, nhất là các lĩnh vực như bán lẻ, ngân hàng, dịch vụ kinh doanh, viễn thông, khách sạn và nhà hàng …nên các nguồn vốn FDI đầu tư vào ngành này tăng cao. |
| * Nhóm 8: điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên | Những nền kinh tế dịch vụ truyền thống trước đây hình thành dựa trên một số lợi thế vật chất nhất định như cảng biển để phát triển giao thông vận tải, thiên nhiên tươi đẹp để phát triển du lịch kết hợp với mua sắm. |

|  |
| --- |
| **3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của ngành dịch vụ.** |
| **- Vị trí địa lí:** ảnh hưởng đến sự lựa chọn địa điểm phân bố, sự liên kết phát triển, sự hội nhập quốc tế,... của ngành dịch vụ.  **- Điều kiện kinh tế - xã hội** có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển và phân bố của ngành dịch vụ:  + Trình độ phát triển kinh tế mang tính quyết định tình hình phát triển và phân bố.  + Dân số đông ảnh hưởng đến quy mô phát triển ngành dịch vụ.  + Cơ cấu dân số và lịch sử - văn hoá tạo nên sự đa dạng về sản phẩm dịch vụ.  + Phân bố dân cư, sự phát triển cơ sở hạ tầng ảnh hưởng đến mạng lưới phân bố.  + Xu hướng tiêu dùng, tiến bộ khoa học - công nghệ, chính sách phát triển và hội nhập ảnh hưởng đến xu hướng phát triển ngành.  **- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:** là tiền đề vật chất cho sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ. Các điều kiện về địa hình, khí hậu, nguồn nước, sinh vật,... ảnh hưởng đến sự lựa chọn khai thác một số loại hình dịch vụ như giao thông vận tải, du lịch,... |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Hệ thống kiến thức bài học hiệu quả

**b. Nội dung:** HS được yêu cầu tham gia trò chơi MẢNH GHÉP THẦN KÌ

**c. Sản phẩm**

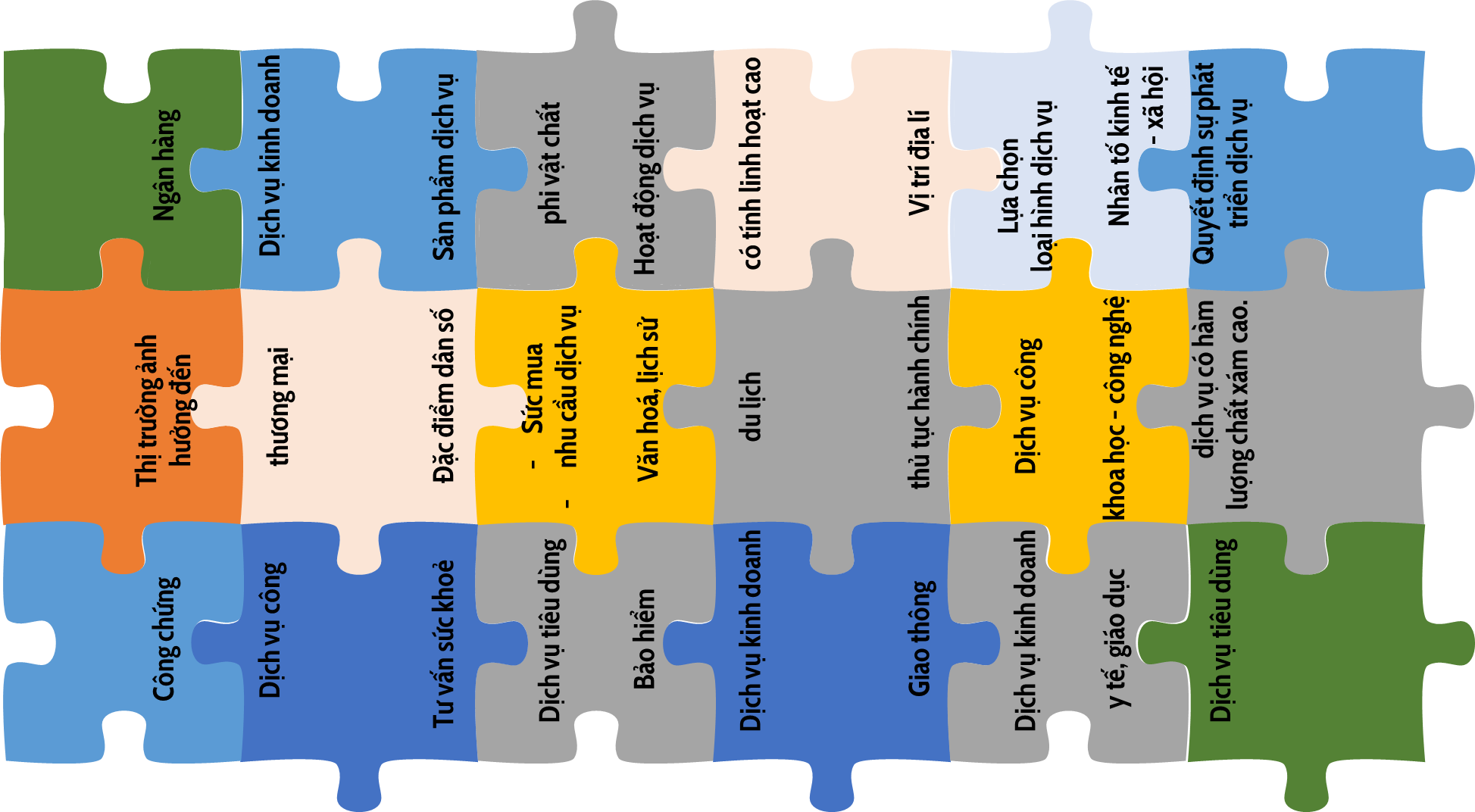
- Kết quả trò chơi: Bảng hỏi điền nhanh thông tin và mảnh ghép hoàn thiện

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV phát bộ thẻ kiến thức

+ HS làm việc trong 3 phút, ráp lại thông tin nhanh chóng



**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS làm nhiệm vụ

+ HS tự làm, không nhìn ngó, trung thực khi tham gia

+ GV quan sát và hỗ trợ

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi ngẫu nhiên HS chia sẻ từng ý theo vòng tròn. Mỗi HS 1 ý

+ GV tạo thẻ ghép ở trên bảng ép cứng và gắn nam châm lá mặt sau để HS tham gia trò chơi trong 2 phút

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV khen ngợi các HS đạt kết quả tốt

+ GV làm rõ thêm kiến thức qua hình ảnh/thông tin bổ sung

GV cũng có thể tổ chức trò chơi khác thay thế như Domino, trả lời nhanh, ô chữ…

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (3 phút)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học, viết báo cáo về ngành dịch vụ ở địa phương.

**b. Nội dung:** tìm hiểu và viết báo cáo về tình hình phát triển của ngành dịch vụ ở địa phương.

**c. Sản phẩm:** Bài báo cáo của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm hiểu về tình hình phát triển của ngành dịch vụ ở địa phương, viết 1 bài báo cao đảm bảo các tiêu chí theo thang điểm sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **THÔNG TIN** | **ĐIỂM** | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **1** | Cấu trúc bài khoa học, gồm 3 phần: Mở đầu, nội dung và kết luận |  |  |  |  |  |
| **2** | Nêu được những thành tựu về ngành dịch vụ nổi bật của địa phương được lựa chọn |  |  |  |  |  |
| **3** | Liệt kê 3 thuận lợi về tự nhiên, 3 thuận lợi về kinh tế xã hội để phát triển ngành dịch vụ ở địa phương |  |  |  |  |  |
| **4** | Liệt kê 3 khó khăn gây cản trở sự phát triển ngành dịch vụ ở địa phương |  |  |  |  |  |
| **5** | Đề xuất ít nhất 3 giải pháp phát triển ngành dịch vụ, có tính khả thi |  |  |  |  |  |
| **6** | Thông tin trình bày khoa học, súc tích, thuyết phục |  |  |  |  |  |

**- Thực hiện nhiệm vụ:** ở nhà, thời gian 1 tuần

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV dành 7-10 phút trong tiết sau để HS trình bày phần bài làm của mình ở nhà.

+ HS bình chọn và chấm điểm.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV khen ngợi bài làm, cho điểm HS.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**V. PHỤ LỤC**

**1/ PHT**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành** | **STT** | **Ngành** | **STT** | **Ngành** |
| 1 | Bán buôn | 7 | Hành chính công | 13 | Thể thao |
| 2 | Bán lẻ | 8 | Làm căn cước công dân | 14 | Thủ tục hành chính |
| 3 | Bảo hiểm | 9 | Làm giấy khai sinh | 15 | Vận tải hàng hoá |
| 4 | Bưu chính | 10 | Ngân hàng | 16 | Viễn thông |
| 5 | Du lịch | 11 | Tài chính | 17 | Y tế |
| 6 | Giáo dục | 12 | Thể dục | 18 | Công chứng |

**Sắp xếp các ngành vào cột thích hợp (chỉ điền số)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dịch vụ kinh doanh** | **Dịch vụ tiêu dùng** | **Dịch vụ công** |
|  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | |
| +++ Rất thuận lợi  + Thuận lợi  0 Không thuận lợi  - Khó khăn  -- Rất khó khăn | | |
| **TIÊU CHÍ** | **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **ĐÀ LẠT** |
| 1: vị trí địa lí |  |  |
| 2: trình độ phát triển kinh tế |  |  |
| 3: đặc điểm dân số |  |  |
| 4: thị trường |  |  |
| 5: vốn đầu tư |  |  |
| 6: khoa học - công nghệ |  |  |
| 7: văn hoá, lịch sử |  |  |
| 8: điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU PHẢN HỒI**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  (đánh giá ở mức tương đối so sánh 2 thành phố) | | |
| +++ Rất thuận lợi  + Thuận lợi  0 Không thuận lợi  - Khó khăn  -- Rất khó khăn | | |
| **TIÊU CHÍ** | **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **ĐÀ LẠT** |
| 1: vị trí địa lí | +++ | + |
| 2: trình độ phát triển kinh tế | +++ | 0 |
| 3: đặc điểm dân số | ++ | 0 |
| 4: thị trường | ++ | + |
| 5: vốn đầu tư | +++ | ++ |
| 6: khoa học - công nghệ | ++ | + |
| 7: văn hoá, lịch sử | + | + |
| 8: điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên | + | ++ |

**2/ Câu hỏi luyện tập**

**Câu 1.** Ngành kinh tế nào sau đây là những hoạt động mang tính xã hội, tạo ra các sản phẩm phần lớn là phi vật chất?

**A.** Công nghiệp. **B.** Nông nghiệp. **C.** Dịch vụ. **D.** Xây dựng.

**Câu 2.** Ngành kinh tế nào sau đây có cơ cấu ngành hết sức đa dạng và phức tạp, thường được chia thành ba nhóm?

**A.** Công nghiệp. **B.** Nông nghiệp. **C.** Dịch vụ. **D.** Xây dựng.

**Câu 3.** Vai trò nào sau đây là của ngành dịch vụ?

**A.** Dịch vụ kìm hãm sự phân công lao động, hình thành cơ cấu lao động.

**B.** Giúp các hoạt động sản xuất, phân phối diễn ra một cách thông suốt.

**C.** Tăng thu nhập quốc dân, giảm thu nhập của các cá nhân trong xã hội.

**D.** Làm cho các lĩnh vực của đời sống và sinh hoạt diễn ra thêm phức tạp.

**Câu 4.** Vai trò về mặt xã hội nào sau đây là của ngành dịch vụ?

**A.** Giúp các hoạt động sản xuất, phân phối diễn ra thông suốt, đạt hiệu quả cao và giảm rủi ro.

**B.** Giúp cho các lĩnh vực trong đời sống, xã hội diễn ra thuận lợi;nâng cao đời sống con người.

**C.** Hình thành cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế hợp lí, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. **D.** Góp phần tăng thu nhập quốc dân cũng như tăng thu nhập bình quân đầu người trong xã hội.

**Câu 5.** Ngành kinh tế nào sau đây tăng cường quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế?

**A.** Công nghiệp. **B.** Nông nghiệp. **C.** Dịch vụ. **D.** Xây dựng.

**Câu 6.** Quá trình sản xuất và tiêu dùng dịch vụ thường diễn ra

**A.** lần lượt.  **B.** đồng thời. **C.** độc lập. **D.** tách biệt.

**Câu 7.** Nhân tố nào sau đây thúc đẩy sự phát triển dịch vụ có hàm lượng chất xám cao của ngành dịch vụ?

**A.** Quy mô, cơ cấu, trình độ lao động. **B.** Sự phát triển của khoa học - công nghệ.

**C.** Quy mô, cơ cấu, trình độ kinh tế. **D.** Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 8.** Nhân tố nào sau đây có ý nghĩa trong việc thu hút vốn đầu tư, thực hiện toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế?

**A.** Đặc điểm dân số. **B.** Trình độ kinh tế.

**C.** Vị trí địa lí. **D.** Nhân tố tự nhiên.

**Câu 9.** Nhân tố nào sau đây quy định sự phát triển các loại hình và sự phân bố mạng lưới các hoạt động dịch vụ?

**A.** Dân số. **B.** Lao động. **C.** Thị trường. **D.** Vị trí.

**Câu 10.** Nhân tố nào sau đây mang tính quyết định đến định hướng phát triển, trình độ phát triển, quy mô của dịch vụ?

**A.** Điều kiện tự nhiên, tài nguyên. **B.** Trình độ phát triển kinh tế.

**C.** Vị trí địa lí của lãnh thổ. **D.** Đặc điểm dân số, lao động.

**Câu 11**. Ngành nào sau đây được xếp vào nhóm dịch vụ kinh doanh?

**A.** Y tế. **B.** Bảo hiểm. **C.** Giáo dục. **D.** Thể dục thể thao.

**Câu 12**. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sự phân bố ngành dịch vụ phát triển mạnh?

**A.** Xa khu dân cư. **B.** Gần tuyến đường giao thông.

**C.** Gần cảng. **D.** Phân bố gần khu dân cư.

**Câu 13**. Ngành dịch vụ nào dưới đây thuộc nhóm dịch vụ tiêu dùng?

**A.** Hành chính công. **B.** Hoạt động đòan thể.

**C.** Hoạt động buôn, bán lẻ. **D.** Thông tin liên lạc.

**Câu 14**. Những ngành nào sau đây **không** thuộc ngành dịch vụ?

**A.** Ngành thông tin liên lạc. **B.** Ngành xây dựng.

**C.** Ngành bảo hiểm. **D.** Ngành du lịch

**Câu 15**. Có‎ ý ‎‎ ‎‎ nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc hình thành các điểm dịch vụ du lịch là.

**A.** mức sống và thu nhập thực tế của người dân. **B.** sự phân bố các tài nguyên du lịch.

**C.** sự phân bố các điểm du lịch. **D.** trình độ phát triển kinh tế đất nước.

**Câu 16**. Các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nghề nghiệp thuộc về nhóm ngành

**A.** dịch vụ cá nhân. **B.** dịch vụ tiêu dùng. **C.** dịch vụ công. **D.** dịch vụ kinh doanh.

**Câu 17**. Các hoạt động bán buôn, bán lẻ, du lịch, các dịch vụ cá nhân như y tế, giáo dục, thể dục thể thao.. thuộc về nhóm ngành

**A.** dịch vụ kinh doanh. **B.** dịch vụ cá nhân.

**C.** dịch vụ tiêu dùng. **D.** dịch vụ công.

**Câu 18**. Sự phân bố các ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với.

**A.** các trung tâm công nghiệp. **B.** Sự phân bố dân cư.

**C.** các ngành kinh tế mũi nhọn. **D.** các vùng kinh tế trọng điểm.

**Câu 19**. Nguyên nhân nào sau đây chủ yếu nhất ở các nước phát triển lao động trong ngành dịch vụ cao?

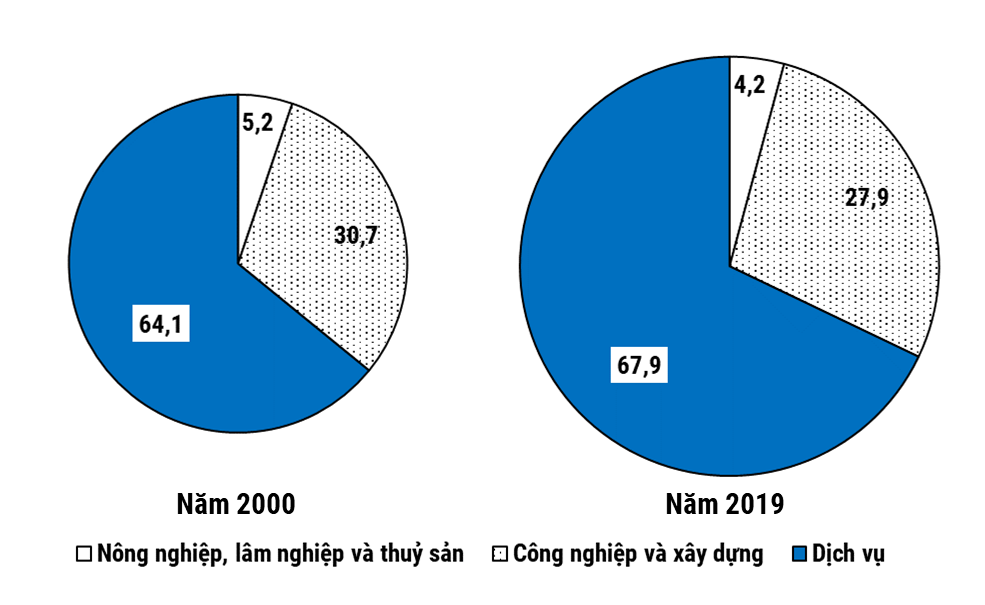
**A.** Ngành dịch vụ có trình độ cao.

**B.** Ngành dịch vụ cơ cấu đa dạng.

**C.** Năng suất lao động trong nông, công nghiệp cao.

**D.** Trình độ phát triển kinh tế của đất nước.

**Câu 20.** Cho biểu đồ về GDP thế giới theo ngành kinh tế năm 2000 và năm 2019 (Đơn vị %):



*(Số liệu theo SGK Địa lí 10, bộ KNTTVCS, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Thay đổi quy mô GDP thế giới theo ngành kinh tế.

**B.** Chuyển dịch cơ cấu GDP thế giới theo ngành kinh tế.

**C.** Quy mô và cơ cấu GDP thế giới theo ngành kinh tế.

**D.** Tốc độ tăng GDP thế giới theo ngành kinh tế.

**Câu 21.** Đánh dấu X vào vị trí thích hợp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngành** | **Dịch vụ kinh doanh** | **Dịch vụ tiêu dùng** | **Dịch vụ công** |
| Giao thông vận tải |  |  |  |
| Tư vấn pháp lí |  |  |  |
| Công chứng |  |  |  |
| Bảo tàng |  |  |  |
| Tư vấn sức khỏe |  |  |  |
| Giáo dục |  |  |  |

**Câu 22.** Dựa vào bảng số liệu, vẽ biểu đồ cơ cấu GDP thế giới theo ngành kinh tế năm 2000 và năm 2019. Nhận xét sự thay đổi tỉ trọng của ngành dịch vụ.

CƠ CẤU GDP THẾ GIỚI THEO NGÀNH KINH TẾ,  
NĂM 2000 VÀ NĂM 2019

***(Đơn vị: %)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản** | **Công nghiệp và xây dựng** | **Dịch vụ** |
| 2000 | 5,2 | 30,7 | 64,1 |
| 2019 | 4,2 | 27,9 | 67,9 |

**3/ Một số hình ảnh**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/Share/30c32d22bfd449364eec8c6eae60e522/2013/05/16/lasvegas.jpg | https://top10az.com/wp-content/uploads/2021/06/Toronto%E2%80%93Canada-1024x576.jpg | http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/Share/30c32d22bfd449364eec8c6eae60e522/2013/05/16/buenosaires1.jpg | https://top10az.com/wp-content/uploads/2021/06/Boston-1024x560.jpeg |
| Las Vegas nổi tiếng là Thiên đường giải trí bởi ở đây có các dịch vụ độc đáo, những sòng bạc quy mô lớn, các khách sạn, khu spa, phố ẩm thực nổi tiếng thế giới.  Nền kinh tế của Las Vegas chủ yếu là du lịch, đánh bạc, tổ chức hội nghị, tiệc cưới, bán lẻ… | Toronto là thành phố đa văn hóa, sắc tộc, nghệ thuật, được xem là một trong những thành phố an toàn nhất Bắc Mỹ, đồng thời là một trong những trung tâm thương mại, tài chính và công nghiệp lớn nhất thế giới, là nơi đặt trụ sở của Sàn giao dịch chứng khoán Toronto và một số nhà băng lớn nhất nước này. | uenos Aires là thủ đô, thành phố, hải cảng lớn nhất của Argentina.Buenos Aires là một mắt xích quan trọng trong hệ kinh tế thế giới. Đây là trung tâm hành chính, tài chính, công nghiệp, thương mại, văn hóa. | Boston là một thành phố thuộc nước Mỹ, Boston phát triển mạnh các hoạt động tài chính, dịch vụ, công nghệ tin học, công nghệ thông tin. Đặc biệt nền công nghiệp tài chính của Boston đặc biệt phát triển rất mạnh các quỹ tương hỗ và bảo hiểm. |

**4/ Các tài liệu khác**

1. <https://cafef.vn/life-style/nhung-thanh-pho-thuong-mai-lon-nhat-the-gioi-phan-3-201305151755463374.chn>
2. <https://top10az.com/top-10-trung-tam-tai-chinh-lon-nhat-the-gioi/>
3. Thống kê Tỷ trọng của ngành dịch vụ trong tổng sản phẩm trong nước của một số nƣớc và vùng lãnh thổ (Theo giá hiện hành, đơn vị %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dịch vụ** | **2018** | **2019** |
| Hoa Kỳ | 76,9 |  |
| Li-băng | 76,7 | 78,6 |
| Anh | 71 | 71,3 |
| Pháp | 70,2 | 70,2 |
| Xin-ga-po | 69,4 | 70,4 |
| Nhật Bản | 69,3 |  |
| Ô-xtrây-li-a | 66,7 | 66 |
| Thụy Điển | 65,2 | 65,2 |
| Đức | 62,2 | 62,6 |
| Thái Lan | 57,1 | 58,6 |
| Lb Nga | 53,5 | 54 |
| Trung Quốc | 53,3 | 53,9 |
| Việt Nam | 41,1 | 41,6 |